

CHÍNH PHỦ**CHÍNH PHỦ**

Số: 80/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH**Về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước số 14/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH:*Chương I***NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục tiêu, yêu cầu của việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước

Giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê

công ty nhà nước là những biện pháp tiếp tục sắp xếp và đổi mới những công ty nhà nước kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài, Nhà nước không cần nắm giữ và không cổ phần hóa được nhằm:

1. Tạo điều kiện cơ cấu lại công ty nhà nước, nâng cao hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh của khu vực kinh tế Nhà nước.

2. Sử dụng có hiệu quả hơn số vốn, tài sản Nhà nước đã đầu tư vào công ty, khai thác mọi tiềm năng trong các thành phần kinh tế để đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh.

3. Bảo đảm việc làm cho người lao động; thay đổi phương thức quản lý công ty, tạo động lực để phát huy quyền làm chủ của người lao động.

4. Giảm bớt chi phí và trách nhiệm trực tiếp kinh doanh của Nhà nước; đảm bảo lợi ích chung của cả Nhà nước và người lao động trong công ty nhà nước.

Điều 2. Đối tượng công ty nhà nước được giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê và điều kiện áp dụng

1. Nghị định này quy định về: giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê toàn bộ một công ty nhà nước độc lập, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty; bán đơn vị phụ thuộc của công ty nhà nước.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng như sau:

a) Giao toàn bộ một công ty nhà nước (gọi tắt là giao công ty): áp dụng đối với công ty nhà nước độc lập, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty có vốn nhà nước ghi trên sổ kế toán dưới 5 tỷ đồng, Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần và không cổ phần hóa được;

b) Bán toàn bộ một công ty nhà nước (gọi tắt là bán công ty): áp dụng đối với công ty nhà nước độc lập, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty mà Nhà nước không cần nắm giữ vốn và không thực hiện cổ phần hóa được, không phụ thuộc quy mô vốn nhà nước;

c) Bán đơn vị phụ thuộc của công ty nhà nước (gọi tắt là bán bộ phận của công ty): áp dụng đối với đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty nhà nước; bộ phận hạch toán phụ thuộc của công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty; bộ phận hạch toán phụ thuộc của công ty nhà nước độc lập;

d) Khoán kinh doanh, cho thuê toàn bộ một công ty nhà nước (gọi tắt là khoán, cho thuê công ty): áp dụng đối với công ty

nhà nước độc lập, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty, không phụ thuộc quy mô vốn nhà nước.

3. Việc bán đơn vị phụ thuộc của công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty hoặc bán đơn vị phụ thuộc của công ty nhà nước độc lập chỉ được tiến hành khi:

a) Đơn vị phụ thuộc không thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn;

b) Đơn vị phụ thuộc có đủ điều kiện tách ra thành đơn vị hạch toán độc lập để bán nhưng không gây khó khăn hoặc không ảnh hưởng xấu đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty hoặc bộ phận còn lại của các doanh nghiệp này.

4. Việc khoán kinh doanh trong nội bộ công ty nhà nước, cho thuê tài sản riêng lẻ, bán tài sản riêng lẻ của Tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 3. Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Giao công ty cho tập thể người lao động” là việc chuyển sở hữu công ty nhà nước và tài sản nhà nước tại công ty thành sở hữu của tập thể người lao động trong công ty có phân định rõ sở hữu của từng người, từng thành viên với các điều kiện ràng buộc.

2. “Bán công ty hoặc bộ phận của công

ty” là việc chuyển đổi sở hữu có thu tiền toàn bộ công ty, bộ phận của công ty sang sở hữu tập thể, cá nhân hoặc pháp nhân khác.

3. “Khoán công ty” là phương thức quản lý doanh nghiệp mà bên nhận khoán được giao quyền quản lý doanh nghiệp, có nghĩa vụ thực hiện một số chỉ tiêu, bảo đảm các điều kiện và được hưởng các quyền lợi theo hợp đồng khoán.

4. “Cho thuê công ty” là việc chuyển giao cho người nhận thuê quyền sử dụng tài sản và lao động trong công ty theo các điều kiện ghi trong hợp đồng thuê.

5. “Người nhận giao, người nhận khoán, người thuê, người mua công ty hoặc bộ phận của công ty” là đại diện tập thể người lao động, đại diện pháp nhân, đại diện nhóm người hoặc cá nhân nhận giao, nhận khoán, thuê, mua công ty hoặc mua bộ phận của công ty.

6. “Người giao, người khoán, người cho thuê, người bán công ty hoặc bộ phận của công ty” là đại diện cơ quan, doanh nghiệp thực hiện giao, bán, khoán, cho thuê công ty.

7. “Bán, khoán, cho thuê công ty, bán bộ phận của công ty theo phương thức trực tiếp” là hình thức đàm phán, thỏa thuận và ký hợp đồng trực tiếp giữa người bán công ty, bán bộ phận của công ty với người mua công ty, mua bộ phận của công ty hoặc giữa người khoán, người cho thuê công ty với người nhận khoán, người thuê công ty trong trường hợp chỉ có một tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là người) đăng ký.

8. “Bán, khoán, cho thuê công ty, bán bộ phận của công ty theo phương thức đấu thầu” là hình thức lựa chọn người mua công ty, mua bộ phận của công ty, người nhận khoán, thuê công ty thông qua đấu thầu khi có từ hai người đăng ký trở lên.

9. “Bán công ty, bộ phận của công ty theo phương thức đấu giá” là hình thức lựa chọn người mua công ty, mua bộ phận của công ty khi có từ hai người đăng ký trở lên thông qua trả giá cạnh tranh công khai tại phiên đấu giá.

10. “Giá tối thiểu” là mức giá thấp nhất do người bán, cho thuê, khoán xác định trên cơ sở giá trị phần vốn nhà nước và giá trị thực tế tài sản tại doanh nghiệp và đặt giá khi quyết định bán, khoán, cho thuê công ty.

11. “Giá thuê, giá bán công ty, bán bộ phận của công ty” là giá của người cho thuê và người thuê, người bán và người mua thỏa thuận theo phương thức trực tiếp hoặc được xác định qua phương thức đấu thầu hoặc đấu giá.

12. “Giá trị công ty, bộ phận của công ty theo sổ kế toán” là tổng giá trị tài sản thể hiện trong bảng cân đối kế toán của công ty theo chế độ kế toán hiện hành.

13. “Giá trị thực tế của công ty” là tổng giá trị tài sản thực có của công ty theo giá thị trường tại thời điểm xác định giá trị công ty.

14. “Tập thể người lao động” là toàn bộ số lao động hiện có trong danh sách thường xuyên của công ty hoặc tập thể

những người lao động tự nguyện thực hiện nghị quyết Đại hội công nhân, viên chức công ty, bộ phận của công ty về nhận giao, mua, khoán hoặc thuê công ty, bộ phận của công ty tại thời điểm có hiệu lực của quyết định phê duyệt phương án sắp xếp lao động do Ban Chấp hành Công đoàn công ty làm đại diện hoặc người được Đại hội toàn thể công nhân, viên chức công ty bầu làm đại diện để thực hiện việc nhận giao, mua, nhận khoán, thuê công ty hoặc mua bộ phận của công ty.

15. "Bộ" gồm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

16. "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

17. "Ban Đổi mới tại công ty" là Ban Đổi mới doanh nghiệp được thành lập tại công ty thực hiện giao, bán, khoán, cho thuê, do Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng công ty quyết định thành lập.

18. "Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp" là Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng công ty nhà nước.

19. "Công ty mà Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần" là công ty không thuộc danh mục Nhà nước cần nắm giữ cổ phần theo tiêu chí, danh mục phân loại do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

20. "Công ty không cổ phần hóa được" là công ty mà theo phương án tổng thể sắp xếp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thuộc danh mục cổ phần hóa,

sau khi đã áp dụng tất cả các biện pháp theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa nhưng vẫn không cổ phần hóa được, hoặc công ty thuộc danh mục cổ phần hóa nhưng không đáp ứng đủ điều kiện để cổ phần hóa hoặc được cơ quan quyết định cổ phần hóa xác định không thể tiến hành cổ phần hóa được.

Điều 4. Đối tượng được giao, mua, nhận khoán kinh doanh, thuê công ty, bộ phận của công ty

1. Đối tượng được giao công ty là tập thể người lao động đang làm việc tại công ty đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 10 của Nghị định này và do Ban Chấp hành Công đoàn công ty làm đại diện hoặc người được Đại hội công nhân viên chức công ty bầu làm đại diện.

2. Đối tượng có quyền mua công ty, bộ phận của công ty:

a) Tập thể hoặc cá nhân người lao động trong công ty;

b) Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

c) Công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự, trừ những người không được thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 9 của Luật Doanh nghiệp;

d) Tổ chức kinh tế tài chính được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoạt động kinh doanh tại nước ngoài hay tại Việt Nam, người nước ngoài (sau đây gọi là nhà đầu tư nước ngoài);

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các nhà đầu tư nước ngoài được mua công ty nhà nước thuộc danh mục các ngành nghề, lĩnh vực mà nhà đầu tư nước ngoài được đầu tư 100% vốn nước ngoài hoặc được góp vốn liên doanh. Việc bán công ty cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy chế do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

3. Đối tượng có quyền nhận khoán kinh doanh, thuê công ty:

a) Tập thể hoặc cá nhân người lao động trong công ty;

b) Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, trừ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

c) Cá nhân có đăng ký kinh doanh.

Điều 5. Nguyên tắc trong giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty

1. Giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty để tiếp tục sản xuất kinh doanh; người nhận giao, người mua không được bán lại công ty trong thời gian quy định của hợp đồng.

2. Tất cả các tài sản của công ty khi thực hiện giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê đều tính bằng giá trị. Giá trị của công ty, bộ phận của công ty thực hiện bán được tính theo giá thực tế trên thị trường.

3. Ưu tiên, ưu đãi trong giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty:

a) Ưu tiên cho người mua, nhận khoán, thuê cam kết sử dụng nhiều lao động hơn người cam kết sử dụng ít lao động; người mua, nhận khoán, thuê là tập thể người lao động trong công ty; người đang thực hiện hợp đồng khoán kinh doanh hoặc đang thuê công ty chuyển sang mua công ty;

b) Ưu đãi bằng giảm giá bán đối với người mua cam kết tiếp tục sử dụng nhiều lao động và mua kế thừa nợ hơn người sử dụng ít lao động và không kế thừa nợ. Mức giảm giá bán phụ thuộc tỷ lệ lao động được người mua cam kết tiếp tục sử dụng;

c) Trường hợp mua không kế thừa nợ thì việc giảm giá bán phải đảm bảo nguồn thanh toán các khoản nợ của công ty và không được vượt quá số vốn nhà nước hiện có tại thời điểm bán.

4. Công khai trong giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty:

a) Việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty phải được thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng và tại công ty cho các đối tượng có liên quan biết trước khi thực hiện;

b) Trường hợp chỉ có một người đăng ký mua, thuê, khoán kinh doanh thì công bố công khai tại công ty về kết quả thỏa thuận trực tiếp giữa người mua và người bán, người thuê và người cho thuê, người khoán và người nhận khoán;

c) Trường hợp có từ hai người trở lên đăng ký nhận mua, nhận khoán, nhận

thuê công ty thì phải tổ chức đấu thầu hoặc đấu giá.

Việc bán đấu giá công ty chỉ thực hiện trong trường hợp công ty đã giải quyết hết số lao động hoặc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án giải quyết hết số lao động của công ty theo quy định pháp luật về lao động và chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước.

5. Thời hạn khoán kinh doanh, cho thuê công ty do hai bên thỏa thuận nhưng không dưới 3 năm.

6. Thực hiện ký kết hợp đồng trong giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty:

Việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty phải được thực hiện theo hình thức hợp đồng bằng văn bản. Hợp đồng là cơ sở để các bên thực hiện các cam kết, bảo đảm tính pháp lý cho việc thanh toán và giải quyết các vấn đề phát sinh.

Điều 6. Quản lý và sử dụng số tiền bán, cho thuê công ty

1. Số tiền thu được từ bán công ty, sau khi nộp ngân sách nhà nước phần giá trị quyền sử dụng đất (nếu có), được sử dụng vào các mục đích sau: thanh toán các chi phí phục vụ cho việc bán công ty, thanh toán các khoản nợ mà người mua không kế thừa, hỗ trợ công ty thực hiện chính sách đối với lao động thôi việc, mất việc khi thực hiện bán; số tiền còn lại được quản lý và sử dụng như sau:

a) Trường hợp bán công ty thành viên

hạch toán độc lập, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty nhà nước, bộ phận hạch toán phụ thuộc của công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty, bộ phận hạch toán phụ thuộc của công ty nhà nước độc lập thì Tổng công ty nhà nước, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty, công ty nhà nước độc lập được sử dụng vào hoạt động kinh doanh;

b) Trường hợp bán toàn bộ một công ty nhà nước độc lập thì số tiền còn lại được chuyển vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Bộ Tài chính và được quản lý, sử dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp số tiền thu được từ bán công ty không đủ thanh toán các chi phí phục vụ cho việc bán công ty, thanh toán các khoản nợ mà người mua không kế thừa, hỗ trợ thực hiện chính sách đối với lao động thôi việc, mất việc khi thực hiện bán thì được hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Bộ Tài chính.

2. Số tiền thu được từ cho thuê công ty:

a) Trường hợp hết thời hạn thuê mà người nhận thuê mua lại công ty hoặc công ty chấm dứt hoạt động thì sau khi trừ chi phí phục vụ cho việc cho thuê công ty, số tiền thu được từ cho thuê công ty sử dụng như quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp cho thuê có thời hạn, công ty tiếp tục hoạt động và đăng ký là công ty nhà nước thì tiền thu được từ

cho thuê công ty được hạch toán vào doanh thu của công ty cho thuê.

Điều 7. Chi phí cho việc tổ chức giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty

Các khoản chi phí thực tế, hợp lý và cần thiết cho việc tổ chức giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và được hạch toán như sau:

1. Trường hợp giao công ty: được trừ vào giá trị vốn nhà nước tại công ty; trường hợp không còn vốn nhà nước thì được hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Bộ Tài chính (nếu giao công ty nhà nước độc lập) hoặc từ nguồn Tổng công ty (nếu giao công ty thành viên hạch toán độc lập).

2. Trường hợp bán công ty: được trừ vào tiền thu được do bán công ty; nếu không còn vốn nhà nước thì được hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Bộ Tài chính (nếu là công ty nhà nước độc lập) hoặc từ vốn của Tổng công ty (nếu là đơn vị phụ thuộc của Tổng công ty, công ty thành viên hạch toán độc lập), từ vốn của công ty (nếu là đơn vị phụ thuộc của công ty nhà nước độc lập hoặc của công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty).

3. Trường hợp khoán kinh doanh: được tính vào chi phí hoạt động thường xuyên của công ty.

4. Trường hợp cho thuê công ty: được trừ vào tiền thu được do cho thuê công ty.

Điều 8. Chuyển đổi giữa các hình thức

khoán kinh doanh, cho thuê, bán, giao công ty

Trường hợp đang thực hiện hợp đồng khoán kinh doanh hoặc thuê công ty mà muốn chuyển sang hình thức khác thì phải thanh lý hợp đồng hiện tại, đàm phán trực tiếp để ký hợp đồng mới theo các quy định của Nghị định này.

Điều 9. Bảo hộ của Nhà nước

1. Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền và lợi ích hợp pháp của người được giao, mua, khoán kinh doanh, thuê công ty theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong các công ty thực hiện giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty theo quy định của pháp luật về lao động.

Chương II

GIAO CÔNG TY CHO TẬP THỂ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 10. Điều kiện giao công ty cho tập thể người lao động

Tập thể người lao động trong công ty được xem xét giao công ty khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Tự nguyện đăng ký nhận giao công ty.
2. Cam kết đầu tư thêm để phát triển sản xuất kinh doanh, bảo đảm việc làm

tối thiểu từ 3 năm trở lên, đóng đầy đủ bảo hiểm cho người lao động trong công ty theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định pháp luật về lao động và chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước).

3. Kế thừa phần công nợ và các nghĩa vụ tài sản của công ty sau khi đã xử lý theo các quy định tại Điều 11 của Nghị định này. Kế thừa quyền và nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định tại Điều 66 của Bộ luật Lao động.

4. Không được cho thuê, chuyển nhượng, tự giải thể công ty trong thời hạn tối thiểu là 3 năm sau khi giao.

Điều 11. Nguyên tắc xử lý tài sản, tài chính và nợ khi giao công ty

1. Ban Đối mới tại công ty tiến hành kiểm kê, xác định số lượng và thực trạng toàn bộ tài sản; các khoản đầu tư dài hạn, ngắn hạn; tài sản thuê, mượn, giữ hộ, bán hộ, ký gửi, chiếm dụng, cho thuê, cho mượn; đối chiếu và phân loại các loại công nợ; lập danh sách chủ nợ và số nợ phải trả, danh sách người mắc nợ và số nợ phải thu, trong đó phân định rõ nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi; tiến hành phân loại tài sản, xử lý tài sản và các khoản nợ.

2. Nguyên tắc xử lý tài sản:

a) Đối với tài sản mang đi góp vốn liên doanh hoặc nhận góp vốn liên doanh; tài sản thuê ngoài, thuê tài chính; tài sản mượn, giữ hộ và các tài sản khác không phải của công ty: các bên giao, nhận giao

công ty và chủ sở hữu tài sản thỏa thuận việc kế thừa hoặc thanh lý hợp đồng đã ký trước đây hoặc ký lại hợp đồng mới;

b) Đối với tài sản chiếm dụng: người giao công ty quyết định ngay khi giao công ty theo nguyên tắc hoàn trả lại hoặc ký hợp đồng thuê mượn lại tài sản;

c) Đối với tài sản thuộc công trình phúc lợi: nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá và các tài sản phúc lợi khác hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi được chuyển giao cho công ty mới quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động trong công ty. Riêng đối với nhà ở cán bộ, công nhân viên, kể cả nhà ở được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước cấp thì chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà đất của địa phương để quản lý hoặc bán cho người đang sử dụng theo quy định hiện hành;

d) Đối với tài sản dùng trong sản xuất kinh doanh được đầu tư bằng nguồn quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của công ty thì chuyển giao cho công ty tiếp tục dùng trong sản xuất kinh doanh;

đ) Số dư bằng tiền của quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được chia cho người lao động đang làm việc tại công ty trước khi giao công ty.

3. Nguyên tắc xử lý các khoản nợ:

a) Đối với các khoản nợ thuế, các khoản phải nộp ngân sách nhà nước và khoản nợ công ty vay của ngân hàng thương mại nhà nước, vay từ quỹ hỗ trợ phát triển mà công ty đã áp dụng các biện pháp xử lý nhưng vẫn chưa thanh

toán được thì được xử lý theo quy định hiện hành;

b) Đối với khoản nợ bảo hiểm xã hội thuộc trách nhiệm của công ty và của người lao động mà công ty đã thu thì trước khi giao công ty được trừ vào giá trị vốn nhà nước tại công ty để thanh toán. Trường hợp không còn vốn nhà nước thì được hỗ trợ thanh toán từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Bộ Tài chính đối với công ty nhà nước độc lập; từ vốn của Tổng công ty đối với doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty;

c) Người nhận giao công ty có trách nhiệm kế thừa các khoản nợ phải thu, phải trả của công ty sau khi được xử lý.

4. Các tài sản còn lại, sau khi thanh toán các chi phí cần thiết cho việc giao công ty, được chuyển giao toàn bộ cho tập thể người lao động trong công ty sở hữu.

Điều 12. Trình tự, thủ tục giao công ty

1. Ban Chấp hành Công đoàn cùng Giám đốc công ty tổ chức Đại hội công nhân viên chức để biểu quyết theo thể thức đa số quá bán việc tự nguyện nhận giao công ty; xây dựng và thông qua phương án nhận giao công ty bao gồm cả phương án sắp xếp lại lao động; thực hiện các điều kiện nhận giao công ty, trong đó cam kết sử dụng hết lao động trong công ty (trừ số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động); cử người đại diện tiến hành các thủ tục nhận giao công ty. Ở nơi chưa có tổ chức công đoàn thì Ban Đổi mới tại công ty phối hợp với Giám đốc công ty cử đại diện tập thể

người lao động tham gia tổ chức Đại hội công nhân viên chức công ty.

2. Ban Đổi mới tại công ty tiến hành phân loại tài sản; xác định và phân loại công nợ; lập báo cáo tài chính. Căn cứ số liệu trên sổ kế toán, kết quả kiểm kê, phân loại, xử lý tài sản, tài chính và công nợ theo các nguyên tắc xử lý tài sản, tài chính và công nợ nêu tại Điều 11 của Nghị định này, Giám đốc công ty và Ban Đổi mới tại công ty lập phương án xác định giá trị công ty được giao cho tập thể người lao động.

3. Ban Chấp hành Công đoàn công ty hoặc người được Đại hội công nhân viên chức bầu làm đại diện lập danh sách, phân loại lao động và lập hồ sơ có liên quan của người lao động; xây dựng phương án sản xuất - kinh doanh và cam kết nhận công ty.

4. Đại diện tập thể người lao động gửi hồ sơ xin nhận giao công ty đến Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp. Hồ sơ gồm:

- a) Đơn xin nhận giao công ty;
- b) Phương án sản xuất kinh doanh;
- c) Phương án sử dụng, đào tạo lại lao động;
- d) Dự kiến loại hình tổ chức doanh nghiệp mới;
- đ) Những cam kết của tập thể người lao động trong công ty.

5. Cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ xin nhận công ty và ra quyết định giao

công ty cho tập thể người lao động; quyết định này được gửi đến các cơ quan: Tài chính doanh nghiệp, Thuế, Đăng ký kinh doanh, Kế hoạch và Đầu tư; Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Thống kê nơi công ty đóng trụ sở chính; Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp.

6. Tổ chức ký hợp đồng giao nhận công ty giữa đại diện tập thể người lao động và người được Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền hoặc Tổng giám đốc Tổng công ty nhà nước. Hợp đồng giao nhận công ty gồm các nội dung chính sau:

a) Tên, địa chỉ công ty được giao cho tập thể người lao động;

b) Họ và tên, địa chỉ người đại diện cho tập thể người lao động;

c) Giá trị doanh nghiệp được giao, phương thức giao nhận;

d) Các cam kết của tập thể người lao động tại công ty;

d) Quyền và nghĩa vụ của tập thể người lao động nhận giao công ty.

Kèm theo hợp đồng là bảng kê khai tài sản giao quy thành giá trị, danh sách tập thể người lao động được giao công ty.

7. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp cùng Giám đốc công ty tổ chức bàn giao công ty theo phương án đã được phê duyệt cho tập thể người lao động do Chủ tịch Công đoàn công ty làm đại diện hoặc người do Đại hội công nhân, viên chức bầu làm đại diện để tiếp nhận và quản lý, có sự chứng kiến của đại diện

cấp quyết định giao công ty và cơ quan tài chính doanh nghiệp.

8. Đại diện tập thể người lao động tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên hoặc Đại hội xã viên, thực hiện đăng ký kinh doanh theo loại hình công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc hợp tác xã theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh. Hồ sơ đăng ký kinh doanh phải bao gồm quyết định giao công ty, hợp đồng giao nhận và biên bản bàn giao công ty cho tập thể người lao động.

9. Đại diện của doanh nghiệp thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật về việc giao công ty và thay đổi hình thức pháp lý của công ty trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 13. Quyền sở hữu đối với doanh nghiệp sau khi giao

1. Toàn bộ tài sản của công ty được tính bằng giá trị, sau khi giao thuộc sở hữu tập thể người lao động và chia hết thành các cổ phần hoặc các phần vốn góp để giao cho những người lao động tham gia nhận giao có tên trong danh sách lương, có đóng bảo hiểm xã hội tại công ty đến thời điểm giao công ty.

2. Mỗi người lao động trong công ty tham gia nhận giao được giao quyền sở hữu một phần giá trị doanh nghiệp bằng cổ phần hoặc phần vốn góp tương ứng với số năm đã làm việc cho khu vực nhà nước, được hưởng cổ tức, có quyền để

thừa kế nhưng không được chuyển nhượng số cổ phần được giao trong thời hạn 3 năm sau khi giao công ty.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận giao công ty

1. Đăng ký kinh doanh theo hình thức pháp lý là “công ty cổ phần”, “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “hợp tác xã”.

2. Được chủ động sử dụng toàn bộ tài sản được giao, tổ chức sản xuất kinh doanh, phân phối thu nhập theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

3. Được kế thừa quyền lợi của công ty nhà nước theo thỏa thuận trong hợp đồng giao nhận công ty; kế thừa các hợp đồng thuê đất, cung cấp điện, nước của công ty cũ theo quy định của pháp luật. Công ty có quyền lựa chọn kế thừa hình thức thuê đất hoặc giao đất của công ty nhà nước trước đây. Quyền sử dụng đất của công ty sau khi giao thực hiện theo pháp luật về đất đai.

4. Được tạo điều kiện tổ chức việc đào tạo lại để giải quyết việc làm cho người lao động từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Bộ Tài chính.

5. Có trách nhiệm sử dụng hết số lao động đã cam kết trong hợp đồng giao nhận công ty, bảo đảm việc làm tối thiểu là 3 năm cho người lao động, trừ những người tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động. Sau thời hạn trên, nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động sản xuất, kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối

với những người lao động này được giải quyết theo những quy định hiện hành của Chính phủ.

6. Thực hiện những cam kết trong hợp đồng nhận giao công ty và các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương III

BÁN CÔNG TY NHÀ NƯỚC

Điều 15. Thông báo quyết định phê duyệt bán và đăng ký mua công ty, bộ phận của công ty

Cơ quan quyết định bán công ty, bộ phận của công ty phải thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng và thông báo cho công ty, bộ phận của công ty về quyết định bán và tổ chức đăng ký danh sách người mua công ty, bộ phận của công ty theo phương thức đấu thầu hoặc đấu giá trong thời hạn 45 ngày. Quá thời hạn 45 ngày mà chỉ có một người đăng ký mua thì phải gia hạn đăng ký mua thêm 15 ngày, nếu vẫn chỉ có một người đăng ký mua thì bán công ty, bộ phận công ty theo phương thức trực tiếp.

Giám đốc công ty thông báo cho toàn thể người lao động trong công ty, tổ chức đăng ký danh sách người mua công ty, bộ phận của công ty và gửi danh sách đăng ký mua cho Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng công ty nhà nước.

Điều 16. Tổ chức bán công ty, bộ phận của công ty theo phương thức đấu thầu

1. Trường hợp bán công ty, bộ phận của công ty có kèm theo sử dụng lao động và có từ hai người đăng ký mua trở lên thì phải bán công ty, bộ phận của công ty theo phương thức đấu thầu.

2. Người quyết định bán công ty, bộ phận của công ty thành lập Hội đồng đấu thầu gồm: đại diện cơ quan quyết định bán công ty, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp, đại diện Tổng công ty (nếu có), đại diện công ty được bán hoặc công ty có bộ phận được bán.

Hội đồng đấu thầu có trách nhiệm:

a) Ban hành quy chế bán đấu thầu và phương pháp chấm thầu;

b) Thông báo cho người đăng ký mua nộp đơn dự thầu, mức giá tối thiểu, mức tiền đặt cọc, thời hạn nộp hồ sơ; thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở công ty về việc bán đấu thầu;

c) Tổ chức và điều hành phiên đấu thầu;

d) Báo cáo cơ quan quyết định bán công ty, bộ phận của công ty về tình hình và kết quả bán đấu thầu.

3. Người mua nộp đơn mua công ty, bộ phận của công ty theo mẫu do Hội đồng đấu thầu quy định và nộp tiền đặt cọc.

Hội đồng đấu thầu nhận đơn, tiền đặt cọc, lập danh sách người tham gia đấu thầu và cấp chứng nhận người tham gia đấu thầu.

4. Người tham gia đấu thầu có quyền đến công ty nghiên cứu sổ sách kế toán, bảng kê tài sản và khảo sát thực trạng công ty, bộ phận của công ty; được Hội đồng đấu thầu cung cấp thông tin về quy chế bán đấu thầu, nguyên tắc chấm thầu.

5. Trong thời hạn đăng ký quy định tại Điều 15 của Nghị định này, người đăng ký mua phải gửi hồ sơ xin dự thầu đến Hội đồng đấu thầu.

Hồ sơ gồm:

a) Đơn mua công ty, bộ phận của công ty (theo mẫu);

b) Phương án sử dụng số lao động đang làm việc tại công ty, bộ phận của công ty;

c) Dự kiến loại hình doanh nghiệp mới;

d) Đề nghị giá mua công ty, bộ phận của công ty.

Hồ sơ dự thầu phải để trong phong bì được niêm phong.

6. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Hội đồng đấu thầu gửi thông báo thời gian, địa điểm đấu thầu đến từng người tham gia dự thầu. Hội đồng đấu thầu niêm yết công khai danh sách người tham gia dự thầu tại địa điểm đấu thầu trong 5 ngày trước khi mở thầu.

7. Mở thầu trong thời gian không quá 01 ngày và thực hiện như sau:

a) Hội đồng đấu thầu kiểm tra niêm phong, mở công khai phong bì của từng

người tham gia đấu thầu và công bố phương án sử dụng lao động, giá bỏ thầu của từng người để ghi vào biên bản; công bố phương án sử dụng lao động cao nhất và giá bỏ thầu cao nhất của từng người tham gia đấu thầu;

b) Chủ tịch Hội đồng đấu thầu và người tham gia đấu thầu ký biên bản mở thầu.

8. Xét thầu:

a) Hội đồng đấu thầu xem xét, phân tích, đánh giá, xếp hạng các hồ sơ dự thầu hoặc thuê tổ chức tư vấn có chức năng để thực hiện công việc này. Trên cơ sở giá bỏ thầu cao nhất kết hợp với phương án sử dụng lao động, phương thức mua kế thừa hay không kế thừa nợ để lựa chọn người thắng thầu;

b) Hội đồng đấu thầu lập biên bản xét thầu gửi Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và người quyết định bán công ty, bộ phận của công ty.

Điều 17. Tổ chức bán công ty, bộ phận của công ty theo phương thức đấu giá

Trường hợp công ty đã giải quyết hết số lao động hoặc đã được phê duyệt phương án giải quyết hết số lao động theo quy định của pháp luật về lao động và chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước, nếu có từ hai người đăng ký mua trở lên thì phải tổ chức bán công ty, bộ phận của công ty theo phương thức đấu giá theo Quy chế bán đấu giá công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Điều 18. Tổ chức bán công ty, bộ phận của công ty theo phương thức trực tiếp

1. Bán công ty, bộ phận của công ty theo phương thức trực tiếp khi chỉ có một người đăng ký mua.

2. Người đăng ký mua công ty, bộ phận của công ty nộp hồ sơ cho Giám đốc hoặc Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp; nội dung hồ sơ như quy định đối với trường hợp bán công ty, bộ phận của công ty theo phương thức đấu thầu.

3. Người đăng ký mua công ty, bộ phận của công ty có quyền đến công ty, bộ phận của công ty nghiên cứu sổ kế toán, bảng kê tài sản và khảo sát thực trạng công ty, bộ phận của công ty.

4. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp cùng Giám đốc công ty trao đổi trực tiếp với đại diện người mua về phương án sử dụng lao động, giá bán và thỏa thuận về các nội dung trong hợp đồng mua bán. Giá bán của công ty có tổng giá trị tài sản theo sổ kế toán từ 30 tỷ đồng trở lên được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều 23 của Nghị định này và là cơ sở thỏa thuận với người mua.

Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp gửi hồ sơ và biên bản đến người quyết định bán công ty, bộ phận của công ty.

Điều 19. Trách nhiệm của công ty bán toàn bộ công ty hoặc bán bộ phận của công ty

1. Kiểm kê, xác định số lượng tài sản hiện có ở công ty, bộ phận của công ty, bao gồm tài sản cố định và đầu tư dài

hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn, tài sản đi thuê, cho thuê, giữ hộ, ký gửi, chiếm dụng; đánh giá thực trạng các loại tài sản đó và thu hồi các khoản nợ phải thu.

2. Phân loại tài sản hiện có ở công ty, bộ phận của công ty thành các loại:

- a) Tài sản có thể tiếp tục sử dụng;
- b) Tài sản không thể tiếp tục sử dụng;
- c) Tài sản được hình thành từ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

3. Đối chiếu và phân loại công nợ; lập danh sách chủ nợ và số nợ phải trả, số nợ phải thu, trong đó chia ra nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi.

4. Lập báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm bán công ty, bộ phận của công ty; lập phương án xử lý tài sản, tài chính, công nợ theo các nguyên tắc quy định tại các Điều 20 và Điều 21 của Nghị định này.

5. Lập danh sách, phân loại và lập phương án sắp xếp số lao động hiện có của công ty, bộ phận của công ty tại thời điểm quyết định bán:

- a) Số lao động thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội;
- b) Số lao động đang hưởng chế độ bảo hiểm xã hội về ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp;
- c) Số lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động;

d) Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động;

đ) Số lao động còn hạn hợp đồng lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty sau khi bán;

e) Số lao động chờ việc do không bố trí được việc làm.

6. Xử lý tài sản, tài chính, công nợ, lao động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo hợp đồng mua bán công ty, bộ phận của công ty.

7. Bàn giao tài sản, sổ sách và các hồ sơ có liên quan cho người mua công ty theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng mua bán.

Điều 20. Nguyên tắc xử lý tài sản và tài chính khi bán công ty, bộ phận của công ty

1. Tài sản không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý: công ty thanh lý, nhượng bán hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để điều chuyển cho công ty khác. Đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp nếu những tài sản này chưa kịp xử lý thì được loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp. Trong quá trình bán, công ty tiếp tục xử lý những tài sản này, đến thời điểm quyết định công bố giá trị doanh nghiệp nếu vẫn chưa xử lý thì chuyển giao cho Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp.

2. Tài sản mang đi góp vốn liên doanh hoặc nhận góp vốn liên doanh; tài sản thuê ngoài, thuê tài chính; tài sản mượn, giữ hộ và các tài sản khác không phải của công ty: các bên bán, mua và chủ sở

hữu tài sản thỏa thuận việc kế thừa hoặc thanh lý hợp đồng đã ký trước đây hoặc ký lại hợp đồng mới; tài sản chiếm dụng do cấp quyết định bán doanh nghiệp quyết định.

3. Đối với tài sản thuộc công trình phúc lợi: nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá và các tài sản phúc lợi khác hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi được chuyển giao cho công ty mới quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động trong công ty. Trường hợp người mua chỉ cam kết tiếp tục sử dụng dưới 50% số lao động hiện có của công ty, bộ phận của công ty thì cơ quan quyết định bán công ty, bộ phận của công ty có thể bán lại cho người mua công ty hoặc cho tổ chức, cá nhân khác để chia cho số lao động hiện có trong công ty, bộ phận của công ty.

Riêng đối với nhà ở của cán bộ, công nhân viên, kể cả nhà ở được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước cấp thì chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà đất của địa phương để quản lý hoặc bán cho người đang sử dụng theo quy định hiện hành.

4. Đối với tài sản đầu tư bằng nguồn quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của công ty được người mua tiếp tục dùng vào sản xuất kinh doanh thì tính vào giá công ty, bộ phận công ty.

5. Số dư bằng tiền của quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được chia cho người lao động đang làm việc theo số năm làm việc thực tế tại công ty trước khi bán công ty.

6. Chi phí xây dựng dở dang của những công trình đã đình hoãn trước

thời điểm xác định giá trị công ty, bộ phận của công ty thì người mua và người bán thỏa thuận giải quyết phù hợp lợi ích của mỗi bên.

7. Các khoản dự phòng, lỗ hoặc lãi chưa phân phối:

a) Các khoản dự phòng: giảm giá hàng tồn kho, nợ phải thu khó đòi, giảm giá chứng khoán, chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào kết quả kinh doanh của công ty;

b) Khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm: công ty sử dụng để trợ cấp cho lao động dôi dư trong quá trình bán công ty, bộ phận của công ty, nếu còn thì hạch toán vào kết quả kinh doanh của công ty;

c) Các quỹ dự phòng rủi ro, dự phòng nghiệp vụ của hệ thống ngân hàng, bảo hiểm, các tổ chức tài chính được chuyển sang công ty được bán để tiếp tục quản lý;

d) Quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ (nếu có), bù đắp các khoản tài sản tổn thất, nợ không thu hồi được, số còn lại tính vào giá trị phần vốn nhà nước tại công ty;

đ) Các khoản lãi chưa phân phối để bù lỗ năm trước (nếu có), bù đắp các khoản tài sản tổn thất, nợ không thu hồi được, số còn lại phân phối theo quy định hiện hành trước khi xác định giá trị doanh nghiệp bán;

e) Các khoản lỗ tính đến thời điểm công ty bán chuyển sang hình thức doanh nghiệp khác, công ty dùng quỹ dự

phòng tài chính và lợi nhuận trước thuế đến thời điểm bán để bù đắp. Trường hợp thiếu thì thực hiện các biện pháp xóa nợ ngân sách nhà nước và nợ ngân hàng theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng.

Sau khi áp dụng các biện pháp trên mà công ty vẫn còn lỗ thì được giảm trừ vào vốn nhà nước.

Điều 21. Nguyên tắc xử lý các khoản nợ của công ty, bộ phận của công ty

1. Công ty được bán hoặc có bộ phận được bán có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận, thu hồi các khoản nợ phải thu đến hạn trước khi bán; huy động các nguồn để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả hoặc thỏa thuận với các chủ nợ để xử lý trước khi bán.

2. Đến thời điểm quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, công ty bán có trách nhiệm bàn giao các khoản công nợ không có khả năng thu hồi đã loại khỏi giá trị công ty bán (kèm theo hồ sơ, các tài liệu liên quan) cho Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp để xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với các khoản đã trả trước cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ như: tiền thuê nhà, tiền thuê đất, tiền mua hàng, tiền công phải đối chiếu tính vào giá trị công ty.

3. Đối với các khoản nợ phải thu còn lại và nợ phải trả thì tùy theo điều kiện mua bán có kế thừa nợ hoặc không kế thừa nợ để xử lý theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp người mua cam kết kế

thừa nợ, người mua có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ phải trả và thu hồi các khoản nợ phải thu theo cam kết; việc cam kết kế thừa các khoản nợ phải thu, phải trả phải được ghi trong hợp đồng mua bán công ty, bộ phận của công ty và thông báo cho các bên có liên quan biết;

b) Trường hợp người mua không cam kết kế thừa nợ: công ty được bán có trách nhiệm xử lý các khoản nợ này theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng.

Điều 22. Nguyên tắc giải quyết lao động và cán bộ quản lý

1. Người mua công ty, bộ phận của công ty có trách nhiệm tiếp nhận số lao động theo phương án sử dụng lao động đã cam kết khi mua. Đối với số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.

2. Chế độ đối với người lao động như sau:

a) Đối với người lao động thuộc diện hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội thì Giám đốc công ty, bộ phận của công ty và cơ quan bảo hiểm xã hội, nơi doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội giải quyết quyền lợi cho người lao động theo chế độ hiện hành;

b) Đối với các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động thì người lao động được hưởng chế độ, chính sách theo pháp luật về lao động và chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước;

c) Đối với người lao động tiếp tục làm việc tại công ty, bộ phận của công ty mới thì Giám đốc có trách nhiệm làm thủ tục để cơ quan bảo hiểm xã hội cấp sổ bảo hiểm theo quy định và chuyển danh sách, hồ sơ của người lao động mà công ty, bộ phận của công ty đang quản lý cho doanh nghiệp mới.

3. Đối với khoản nợ bảo hiểm xã hội thuộc trách nhiệm của công ty và của người lao động mà công ty đã thu thì trước khi bán công ty được trừ vào giá trị vốn nhà nước tại công ty để thanh toán. Trường hợp không còn vốn nhà nước thì được hỗ trợ thanh toán từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Bộ Tài chính.

4. Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng công ty được cấp quyết định bán công ty, bộ phận của công ty xét từng trường hợp cụ thể để bố trí công việc hoặc giải quyết theo chế độ thôi việc.

Người quản lý thiếu trách nhiệm dẫn đến thua lỗ, mất vốn nhà nước không được giữ vị trí quản lý ở các công ty nhà nước khác hoặc ở cơ quan nhà nước.

5. Sau khi có quyết định bán công ty, bộ phận của công ty, nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động ở công ty, bộ phận công ty được bán bị mất việc hoặc thôi việc, kể cả trường hợp tự nguyện thôi việc thì được giải quyết như sau:

Trường hợp người lao động mất việc, thôi việc trong 5 năm kể từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh thì công ty mới có trách nhiệm thanh toán 50% tổng mức trợ cấp theo quy định của Bộ luật Lao động, số còn lại được thanh toán từ tiền thu của Nhà nước do bán công ty theo các nguyên tắc quy định tại Điều 6 của Nghị định này. Hết thời hạn trên công ty mới có trách nhiệm thanh toán toàn bộ trợ cấp cho người lao động.

Điều 23. Nguyên tắc xác định giá bán công ty, bộ phận của công ty

1. Các căn cứ chung để xác định giá tối thiểu bán công ty, bộ phận của công ty:

a) Số liệu theo sổ kế toán của công ty tại thời điểm bán;

b) Hiện trạng chất lượng, tính năng kỹ thuật, tình hình công nợ, hiệu quả kinh doanh của công ty và giá thị trường của tài sản tại thời điểm bán;

c) Giá trị quyền sử dụng đất do công ty, bộ phận của công ty quản lý;

d) Bán có kế thừa nợ hay không kế thừa nợ.

2. Nguyên tắc xác định giá trị quyền sử dụng đất khi bán công ty, bộ phận công ty:

a) Đối với diện tích đất công ty, bộ phận công ty đang sử dụng làm mặt bằng xây dựng trụ sở, văn phòng giao dịch; xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh; đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối (kể cả đất đã được Nhà nước giao có thu tiền hoặc không thu tiền sử dụng đất) thì công ty

được quyền lựa chọn hình thức thuê đất hoặc giao đất theo quy định của Luật Đất đai:

- Trường hợp người mua lựa chọn hình thức thuê đất thì không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị công ty, bộ phận công ty.

- Trường hợp người mua lựa chọn hình thức giao đất thì phải tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị công ty, bộ phận công ty. Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị công ty, bộ phận công ty là giá do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường và công bố vào ngày 01 tháng 01 hàng năm theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Trình tự và thủ tục giao đất, nộp tiền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

b) Đối với diện tích đất Nhà nước đã giao cho công ty, bộ phận công ty xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê; xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê thì phải tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị công ty, bộ phận công ty. Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị công ty, bộ phận công ty thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Giá bán công ty, bộ phận của công ty được xác định trên cơ sở giá trị thực tế của công ty, bộ phận của công ty tại thời điểm bán được người mua và người bán chấp nhận tùy thuộc vào:

a) Điều kiện mua bán có kế thừa hoặc không kế thừa công nợ; có tính hay không tính giá trị quyền sử dụng đất;

b) Phương thức bán: bán đấu giá, đấu thầu hoặc bán trực tiếp;

c) Phương thức thanh toán: một lần hoặc nhiều lần;

d) Mức giảm giá đối với người mua cam kết đầu tư duy trì sản xuất kinh doanh, bảo đảm việc làm cho người lao động.

Đối với người mua có kế thừa quyền và nghĩa vụ của công ty, bộ phận của công ty thì giá thực tế bán công ty là giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại công ty tại thời điểm bán bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất nêu ở khoản 2 Điều này và được người mua, người bán chấp nhận.

Đối với người mua doanh nghiệp không kế thừa quyền và nghĩa vụ của công ty, bộ phận của công ty thì giá thực tế bán công ty là giá trị thực tế toàn bộ tài sản hiện có tại công ty tại thời điểm bán bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất nêu ở khoản 2 Điều này mà người mua có nhu cầu sử dụng, được người mua và người bán chấp nhận.

4. Khi xác định giá trị thực tế của công ty, bộ phận của công ty có tổng giá trị tài sản theo sổ kế toán dưới 30 tỷ đồng không nhất thiết phải thuê tổ chức định giá; công ty tự xác định giá trị công ty và báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định giá trị công ty. Những công ty không thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê thì cơ quan

quyết định giá bán công ty xem xét thuê tổ chức kiểm toán độc lập xác định. Tiền thuê kiểm toán được tính vào chi phí bán công ty, bộ phận của công ty.

5. Công ty có tổng giá trị tài sản theo sổ kế toán từ 30 tỷ đồng trở lên thì việc xác định giá trị công ty thực hiện thông qua các tổ chức có chức năng định giá doanh nghiệp cổ phần hóa, do cơ quan quyết định bán công ty, bộ phận công ty lựa chọn tổ chức định giá trong danh sách do Bộ Tài chính công bố. Trường hợp lựa chọn các tổ chức định giá nước ngoài chưa hoạt động tại Việt Nam thì phải được sự thỏa thuận của Bộ Tài chính. Đối với công ty không cổ phần hóa được mà chuyển sang bán thì được kế thừa kết quả định giá trong quá trình cổ phần hóa.

Tổ chức định giá khi thực hiện xác định giá trị công ty phải bảo đảm các quy định hiện hành và hoàn thành đúng thời hạn theo hợp đồng đã ký; phải chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, hợp pháp của kết quả định giá.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định giá trị công ty có trách nhiệm thẩm tra trước khi quyết định và công bố giá bán công ty.

Điều 24. Phê duyệt phương án bán, giá bán, ký kết hợp đồng và ra quyết định bán công ty, bộ phận của công ty

Căn cứ đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước thực hiện các công việc như sau:

1. Phê duyệt phương án bán công ty, bộ phận của công ty và ra quyết định bán công ty, bộ phận của công ty. Quyết định gồm các nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ của công ty, bộ phận của công ty được bán;

b) Tên, địa chỉ của người mua;

c) Giá bán, phương thức bán; phương thức và thời hạn thanh toán;

d) Thời hạn ký kết hợp đồng và bàn giao công ty, bộ phận của công ty;

đ) Trách nhiệm của công ty, của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và các cơ quan liên quan trong xử lý những vấn đề tồn tại và phát sinh khác.

Quyết định bán và chấm dứt hoạt động của công ty nhà nước, bộ phận của công ty được gửi đến các cơ quan: Tài chính doanh nghiệp, Thuế, Đăng ký kinh doanh, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, Cục Thống kê nơi công ty đóng trụ sở chính, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp.

2. Tổ chức ký hợp đồng với người mua công ty, bộ phận của công ty. Hợp đồng mua công ty, bộ phận của công ty bao gồm các nội dung chính sau:

a) Tên, địa chỉ công ty, bộ phận của công ty được bán, số tài khoản;

b) Tên, địa chỉ người mua công ty, bộ phận của công ty; số tài khoản (nếu có);

c) Giá bán công ty, bộ phận của công ty;

d) Các cam kết của người mua và người bán công ty, bộ phận của công ty;

đ) Phương thức chuyển giao tài sản, thanh toán tiền mua doanh nghiệp, thời hạn bàn giao công ty, bộ phận của công ty;

e) Xử lý các vấn đề phát sinh, tranh chấp hợp đồng.

Kèm theo hợp đồng là bảng kê tài sản, đánh giá về tình trạng tài sản mà người mua và người bán thỏa thuận.

Điều 25. Thanh toán tiền đặt cọc và bàn giao công ty, bộ phận của công ty

1. Đối với trường hợp bán công ty, bộ phận của công ty theo phương thức đấu thầu hoặc đấu giá thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký quyết định bán, Hội đồng đấu thầu hoặc Hội đồng đấu giá phải thanh toán tiền đặt cọc cho những người tham gia đấu thầu, đấu giá mà không trúng thầu. Người tham gia đấu thầu, đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc trong các trường hợp sau: trúng thầu nhưng từ chối thực hiện hợp đồng; rút hồ sơ dự thầu sau khi đóng thầu. Tiền đặt cọc của người trúng thầu sẽ được trừ vào tiền mua công ty, bộ phận công ty.

2. Trong thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp phải tổ chức việc bàn giao doanh nghiệp cho người mua.

Khi bàn giao số lượng và thực trạng tài sản của công ty, bộ phận của công ty không đúng với số lượng và thực trạng

tài sản đã ghi trong hợp đồng mua, bán thì người mua có quyền yêu cầu điều chỉnh hợp đồng đã ký cho khớp với số lượng và thực trạng tài sản của công ty, bộ phận của công ty.

Điều 26. Thanh toán tiền mua công ty, bộ phận của công ty

Người mua công ty, bộ phận của công ty thanh toán trong thời hạn quy định tại hợp đồng mua bán, nhưng tối đa không quá 2 năm kể từ thời điểm quyết định bán công ty, bộ phận của công ty, trong đó lần đầu thanh toán không dưới 70% giá bán.

Điều 27. Đăng ký kinh doanh đối với công ty, bộ phận của công ty sau khi bán

Trường hợp công ty, bộ phận của công ty sau khi bán chuyển thành doanh nghiệp mới hoặc chuyển thành đơn vị phụ thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp khác thì người mua phải tiến hành đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp mới tại cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty, bộ phận của công ty đóng trụ sở chính hoặc đăng ký là đơn vị phụ thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo quyết định bán công ty, bộ phận của công ty.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của người mua công ty, bộ phận của công ty

1. Được chủ động sử dụng tài sản mua, lựa chọn ngành nghề kinh doanh, tổ chức

lại sản xuất, đầu tư mới, thay đổi bộ máy quản lý, quyết định loại hình doanh nghiệp và được tiếp tục thuê đất theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp tiếp tục duy trì đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh của công ty, bộ phận của công ty, người mua được kế thừa các quyền lợi của công ty theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán công ty, bộ phận của công ty và các hợp đồng kinh tế đã ký kết.

3. Có nghĩa vụ thanh toán tiền mua công ty, bộ phận của công ty theo thời hạn và các điều kiện ghi trong hợp đồng mua bán công ty, bộ phận của công ty; thực hiện đúng các điều kiện và cam kết với người bán công ty, bộ phận của công ty; kế thừa các nghĩa vụ của công ty, bộ phận của công ty theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài tham gia mua công ty nhà nước

Quyền và nghĩa vụ của các nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia mua công ty nhà nước phụ thuộc vào hình thức doanh nghiệp được chuyển đổi sau khi mua theo quy định của pháp luật Việt Nam và quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 30. Kiểm tra, theo dõi việc thực hiện cam kết hợp đồng

Người quyết định bán công ty, bộ phận của công ty có trách nhiệm tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các cam kết trong hợp đồng mua, bán công ty, bộ phận của công ty; xử lý hoặc kiến nghị

các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người mua vi phạm cam kết của hợp đồng.

Chương IV

KHOẢN KINH DOANH VÀ CHO THUÊ CÔNG TY

Mục I. KHOẢN KINH DOANH

Điều 31. Nội dung, các chỉ tiêu và điều kiện khoán kinh doanh

Căn cứ vào đặc điểm của từng ngành, kết quả kinh doanh của công ty, người ra quyết định khoán kinh doanh quy định nội dung, chỉ tiêu và điều kiện khoán kinh doanh nhưng phải xem xét các yêu cầu sau:

1. Bảo toàn vốn nhà nước.
2. Giải quyết việc làm và đóng đủ bảo hiểm cho người lao động.
3. Tăng lợi nhuận hoặc giảm lỗ của công ty.
4. Thực hiện các chính sách của Nhà nước và các hợp đồng đã ký.

Điều 32. Đấu thầu nhận khoán hoặc tổ chức nhận khoán theo phương thức thỏa thuận trực tiếp

1. Cơ quan quyết định giao khoán công ty phải thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng và thông báo cho công ty về quyết định cho nhận khoán và tổ chức đăng ký danh sách

người nhận khoán trong thời hạn 45 ngày. Quá thời hạn 45 ngày mà chỉ có một người đăng ký thì phải gia hạn đăng ký thêm 15 ngày.

Giám đốc công ty thông báo cho toàn thể người lao động trong công ty, tổ chức đăng ký nhận khoán công ty và gửi danh sách đăng ký cho Ban Đối mới và Phát triển doanh nghiệp thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng công ty nhà nước.

2. Trường hợp chỉ có một người đăng ký nhận khoán thì tổ chức trao đổi, thỏa thuận trực tiếp về nội dung, các chỉ tiêu và điều kiện khoán. Nội dung khoán kinh doanh, các điều kiện khoán, quyền và nghĩa vụ cụ thể của các bên trong giao nhận khoán; nội dung hợp đồng phải được trao đổi và thỏa thuận giữa người nhận khoán và người giao khoán kinh doanh.

3. Trường hợp có hai người đăng ký nhận khoán trở lên thì phải tổ chức đấu thầu. Người quyết định cho giao khoán công ty thành lập Hội đồng đấu thầu. Hội đồng đấu thầu thông báo cho người đăng ký nhận khoán thời hạn nộp hồ sơ dự thầu, mức giá tối thiểu, mức tiền đặt cọc, thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết việc đấu thầu nhận khoán công ty tại trụ sở công ty.

4. Người đăng ký nhận khoán nộp hồ sơ đấu thầu nhận khoán công ty và tiền đặt cọc cho Hội đồng đấu thầu.

Hội đồng đấu thầu nhận hồ sơ, tiền đặt

cọc, lập danh sách người dự thầu và cấp xác nhận được tham gia đấu thầu.

Người tham gia dự thầu có quyền đến công ty nghiên cứu sổ sách kế toán, bảng kê tài sản và khảo sát thực trạng công ty; được Hội đồng đấu thầu cung cấp thông tin về quy chế đấu thầu, nguyên tắc chấm thầu.

5. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, người nhận khoán công ty phải gửi hồ sơ xin đấu thầu đến Hội đồng đấu thầu.

Hồ sơ gồm:

a) Đơn nhận khoán trong đó ghi rõ họ, tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số tài khoản (nếu có), chứng nhận đăng ký kinh doanh của người nhận khoán;

b) Nội dung, phương thức, chỉ tiêu, điều kiện, thời hạn nhận khoán;

c) Phương án sử dụng số lao động đang làm việc tại công ty;

d) Đề nghị mức khoán;

đ) Báo cáo về khả năng tài chính của người nhận khoán.

6. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Hội đồng đấu thầu gửi thông báo thời gian, địa điểm đấu thầu đến từng người tham gia dự thầu và niêm yết công khai danh sách người tham gia đấu thầu tại địa điểm đấu thầu trong 5 ngày trước khi mở thầu.

7. Mở thầu trong thời gian không quá 01 ngày và thực hiện như sau:

a) Hội đồng đấu thầu kiểm tra niêm

phong, mở công khai phong bì của từng người tham gia đấu thầu và công bố phương án sử dụng lao động, giá bỏ thầu của từng người để ghi vào biên bản; công bố phương án sử dụng lao động cao nhất và giá bỏ thầu cao nhất của từng người tham gia đấu thầu;

b) Chủ tịch Hội đồng đấu thầu và người tham gia đấu thầu ký biên bản mở thầu.

8. Xét thầu:

a) Hội đồng đấu thầu xem xét, phân tích, đánh giá, xếp hạng các hồ sơ dự thầu hoặc thuê tổ chức tư vấn có chức năng để thực hiện công việc này. Trên cơ sở giá bỏ thầu cao nhất kết hợp với phương án sử dụng lao động để lựa chọn người thắng thầu;

b) Hội đồng đấu thầu lập biên bản xét thầu gửi Ban Đối mới và Phát triển doanh nghiệp và người quyết định giao khoán công ty.

Điều 33. Hợp đồng khoán kinh doanh

Hợp đồng khoán kinh doanh bao gồm các nội dung chính sau:

1. Tên, địa chỉ của công ty nhà nước khoán kinh doanh và người nhận khoán.

2. Nội dung, phương thức, chỉ tiêu, điều kiện, thời hạn khoán.

3. Quyền, trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện khoán; thời hạn khoán do hai bên giao nhận khoán thỏa thuận nhưng không ít hơn 3 năm; chấm dứt hợp đồng khoán trước thời hạn.

4. Xử lý các vi phạm hợp đồng, các thay đổi làm ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của các bên giao nhận khoán; thưởng, phạt trong quá trình thực hiện khoán.

5. Các nội dung khác có liên quan đến khoán kinh doanh.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của người nhận khoán

1. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản và tiếp nhận lao động của công ty theo các quy định tại hợp đồng khoán kinh doanh không trái với các quy định của pháp luật; kế thừa các quyền và nghĩa vụ của công ty.

2. Quyết định tổ chức kinh doanh, phương thức trả lương, thưởng trong công ty.

3. Được hưởng và tự quyết định việc phân phối các thu nhập do vượt định mức khoán. Đối với phần lợi nhuận vượt định mức khoán, sau khi bù đắp lỗ những năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, bù đắp các khoản lợi nhuận thiếu hụt so với định mức khoán kinh doanh các năm trước và trích lập quỹ dự trữ, người nhận khoán kinh doanh được chủ động sử dụng.

4. Chịu giảm thu nhập nếu không hoàn thành các định mức, yêu cầu khoán đã ghi trong hợp đồng khoán; trường hợp kinh doanh thua lỗ mất vốn nhà nước, vi phạm hợp đồng dẫn đến các tổn thất thì phải chịu trách nhiệm bồi hoàn.

5. Có tài sản thế chấp, cầm cố, ký cược, ký quỹ hoặc được bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của người quyết định khoán kinh doanh

1. Kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các cam kết trong hợp đồng khoán kinh doanh, xử lý các trường hợp vi phạm cam kết ghi trong hợp đồng.

2. Không can thiệp vào việc điều hành của người nhận khoán; tạo điều kiện thuận lợi cho người nhận khoán thực hiện các cam kết ghi trong hợp đồng khoán kinh doanh.

Mục II. CHO THUÊ CÔNG TY

Điều 36. Các hình thức thuê công ty, thông báo quyết định cho thuê và đăng ký nhận thuê công ty

1. Người thuê có thể lựa chọn thuê công ty theo các hình thức sau:

a) Thuê tài sản của công ty: thuê tài sản hợp thành cơ sở sản xuất kinh doanh của công ty có kèm theo thuê lao động của công ty, nhưng không kế thừa các quyền và nghĩa vụ của công ty cho thuê;

b) Thuê công ty hoạt động: thuê tài sản hợp thành cơ sở sản xuất kinh doanh của công ty có kèm theo thuê lao động của công ty đồng thời kế thừa các khoản công nợ, các hợp đồng kinh tế, các quyền và nghĩa vụ khác của công ty theo thỏa thuận của các bên có liên quan.

2. Cơ quan quyết định cho thuê công ty

phải thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng và thông báo cho công ty về quyết định cho thuê và tổ chức đăng ký danh sách người nhận thuê trong thời hạn 45 ngày. Quá thời hạn 45 ngày mà chỉ có một người đăng ký thì phải gia hạn đăng ký thêm 15 ngày, nếu vẫn chỉ có một người đăng ký thì tiến hành cho thuê công ty theo phương thức trực tiếp.

Giám đốc công ty thông báo cho toàn thể người lao động trong công ty, tổ chức đăng ký thuê công ty và gửi danh sách đăng ký cho Ban Đối mới và Phát triển doanh nghiệp thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng công ty nhà nước.

Điều 37. Tổ chức cho thuê công ty theo phương thức đấu thầu

1. Trường hợp có từ hai người đăng ký thuê trở lên thì phải tổ chức đấu thầu.

2. Người quyết định cho thuê công ty thành lập Hội đồng đấu thầu. Hội đồng đấu thầu thông báo cho người đăng ký thuê thời hạn nộp hồ sơ dự thầu, mức giá tối thiểu, mức tiền đặt cọc, thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết việc đấu thầu cho thuê công ty tại trụ sở công ty.

3. Người đăng ký thuê nộp hồ sơ đấu thầu thuê công ty và tiền đặt cọc cho Hội đồng đấu thầu.

Hội đồng đấu thầu nhận hồ sơ, tiền đặt cọc, lập danh sách người dự thầu và cấp xác nhận được tham gia đấu thầu.

4. Người tham gia dự thầu có quyền

đến công ty nghiên cứu sổ sách kế toán, bảng kê tài sản và khảo sát thực trạng công ty; được Hội đồng đấu thầu cung cấp thông tin về quy chế bán đấu thầu, nguyên tắc chấm thầu.

5. Trong thời hạn đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 36 của Nghị định này, kể từ ngày thông báo đăng ký dự thầu, người đăng ký thuê công ty phải gửi hồ sơ xin đấu thầu đến Hội đồng đấu thầu.

Hồ sơ gồm:

a) Đơn thuê trong đó ghi rõ họ, tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số tài khoản (nếu có), chứng nhận đăng ký kinh doanh của người thuê;

b) Hình thức thuê, thời hạn thuê;

c) Phương án sử dụng số lao động đang làm việc tại công ty;

d) Đề nghị giá thuê công ty;

đ) Báo cáo về khả năng tài chính của người thuê.

6. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Hội đồng đấu thầu gửi thông báo thời gian, địa điểm đấu thầu đến từng người tham gia dự thầu và niêm yết công khai danh sách người tham gia đấu thầu tại địa điểm đấu thầu trong 5 ngày trước khi mở thầu.

7. Mở thầu trong thời gian không quá 01 ngày và thực hiện như sau:

a) Hội đồng đấu thầu kiểm tra niêm phong, mở công khai phong bì của từng người tham gia đấu thầu và công bố phương án sử dụng lao động, giá bỏ thầu

của từng người để ghi vào biên bản; công bố phương án sử dụng lao động cao nhất và giá bỏ thầu cao nhất của từng người tham gia đấu thầu;

b) Chủ tịch Hội đồng đấu thầu và người tham gia đấu thầu ký biên bản mở thầu.

8. Xét thầu:

a) Hội đồng đấu thầu xem xét, phân tích, đánh giá, xếp hạng các hồ sơ dự thầu hoặc thuê tổ chức tư vấn có chức năng để thực hiện công việc này. Trên cơ sở giá bỏ thầu cao nhất kết hợp với phương án sử dụng lao động để lựa chọn người thắng thầu;

b) Hội đồng đấu thầu lập biên bản xét thầu gửi Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và người quyết định cho thuê công ty.

Điều 38. Tổ chức cho thuê công ty theo phương thức trực tiếp

1. Cho thuê công ty theo phương thức trực tiếp chỉ thực hiện khi chỉ có một người đăng ký thuê.

2. Người đăng ký thuê có quyền đến công ty nghiên cứu sổ sách kế toán, bảng kê tài sản và khảo sát thực trạng tài sản công ty.

3. Người đăng ký thuê nộp hồ sơ xin thuê công ty cho Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp. Nội dung hồ sơ như quy định đối với trường hợp thuê công ty theo phương thức đấu thầu.

4. Ban Đổi mới và Phát triển doanh

nghiệp cùng Giám đốc công ty có nhiệm vụ:

- a) Xây dựng phương án cho thuê công ty, bao gồm cả phương án sắp xếp lại lao động của công ty;
- b) Định giá cho thuê khởi điểm làm cơ sở để trao đổi thỏa thuận với bên thuê;
- c) Trao đổi trực tiếp với người thuê về phương án sử dụng lao động, giá thuê, thời hạn thuê và các điều kiện của hợp đồng cho thuê công ty;
- d) Thỏa thuận với người thuê về giá cho thuê và hợp đồng thuê công ty;
- đ) Trình hồ sơ, biên bản và dự thảo hợp đồng đến người quyết định cho thuê.

Điều 39. Trách nhiệm của công ty nhà nước cho thuê

1. Thực hiện việc kiểm kê, phân loại toàn bộ tài sản hiện có ở công ty, tài sản đi thuê, cho thuê, mượn, giữ hộ, chiếm dụng; đánh giá thực trạng tài sản này.
2. Đối chiếu và xác định các loại công nợ, lập danh sách chủ nợ và số nợ phải trả, danh sách người mắc nợ và số nợ phải thu, trong đó chia ra nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi; công ty có nghĩa vụ xử lý tài chính theo quy chế tài chính do Chính phủ ban hành trước khi quyết định cho thuê công ty.
3. Lập báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm quyết định cho thuê công ty.
4. Lập danh sách lao động của công ty và các hồ sơ có liên quan của người lao động.

5. Bàn giao tài sản, lao động, hồ sơ, sổ sách có liên quan cho người thuê theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng thuê công ty.

6. Quản lý sổ sách, tài liệu, hồ sơ về tài sản và lao động của công ty trong thời gian cho thuê.

7. Thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, chính sách và chế độ với người lao động theo quy định của pháp luật và hợp đồng thuê công ty.

8. Có quyền đề nghị người quyết định cho thuê chấm dứt hợp đồng thuê trước thời hạn (nếu bên thuê vi phạm hợp đồng).

Điều 40. Nguyên tắc xử lý tài sản, tài chính của công ty khi cho thuê

Việc xử lý tài sản, tài chính và nợ khi cho thuê công ty như sau:

1. Tài sản hiện có ở công ty được kiểm kê để xác định số lượng và thực trạng bao gồm: tài sản cố định và đầu tư dài hạn; tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn; tài sản đi thuê, mượn, cho thuê, giữ hộ, bán hộ, ký gửi, chiếm dụng.

Tài sản đi thuê, mượn, giữ hộ, nhận gia công, nhận ký gửi, chiếm dụng được kiểm kê phân loại riêng.

2. Tài sản hiện có ở công ty được phân loại và xử lý như sau:

a) Tài sản cho thuê được phân loại và đánh giá giá trị thực trạng, phẩm chất, tính năng kỹ thuật và xác định giá trị thực tế.

Giá trị thực tế của các tài sản cho thuê được xác định căn cứ vào sổ sách kế toán của công ty tại thời điểm cho thuê, nhu cầu sử dụng của người thuê và giá thị trường tại thời điểm cho thuê.

Giá trị thực tế của các tài sản tại thời điểm cho thuê dùng làm căn cứ để xác định mức giá thuê công ty;

b) Tài sản không thuộc danh mục cho thuê phải được xử lý trước khi cho thuê theo các hình thức: điều động, thanh lý, nhượng bán hoặc nhờ bảo quản khi chưa xử lý được;

c) Tài sản lưu động do người cho thuê và người thuê thỏa thuận;

d) Tài sản được hình thành từ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được chuyển giao cho tập thể lao động do Công đoàn công ty cùng với người sử dụng lao động quản lý. Đối với số dư các quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có), Giám đốc và Ban Chấp hành Công đoàn công ty có trách nhiệm lập phương án xử lý chia cho người lao động trước khi ký hợp đồng bàn giao công ty.

3. Công ty có trách nhiệm giải quyết các khoản nợ phải thu, phải trả. Nếu bên thuê không kế thừa những khoản nợ phải thu, phải trả, thì bộ phận quản lý còn lại của công ty được người quyết định cho thuê bố trí để theo dõi hợp đồng thuê, có trách nhiệm tiếp tục thu hồi các khoản nợ phải thu, thanh toán các khoản nợ phải trả.

4. Trường hợp thuê công ty hoạt động: người cho thuê cùng với người thuê bàn

với các bên có liên quan để thỏa thuận về việc kế thừa các quyền lợi và nghĩa vụ của pháp nhân công ty cho thuê.

Điều 41. Giải quyết lao động khi cho thuê công ty

1. Công ty cho thuê lập danh sách số lao động hiện có tại thời điểm quyết định cho thuê, phân loại lao động và lập các hồ sơ có liên quan đến người lao động:

a) Số lao động thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội;

b) Số lao động đang hưởng chế độ bảo hiểm xã hội về ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp;

c) Số lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động;

d) Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động;

đ) Số lao động còn hạn hợp đồng lao động sẽ tiếp tục làm việc tại công ty cho thuê;

e) Số lao động chờ việc do không bố trí được việc làm.

2. Nếu thuê công ty có kèm theo thuê lao động thì người thuê công ty có trách nhiệm tiếp nhận, bố trí việc làm và bảo đảm các quyền lợi của người lao động theo hợp đồng thuê không trái với các quy định của pháp luật về lao động.

Giám đốc công ty có trách nhiệm làm thủ tục để cơ quan bảo hiểm xã hội cấp sổ bảo hiểm theo quy định và chuyển danh sách, hồ sơ của người lao động mà công ty đang quản lý cho doanh nghiệp mới.

3. Đối với người lao động thuộc diện hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, Giám đốc công ty và cơ quan bảo hiểm xã hội, nơi công ty đóng bảo hiểm giải quyết quyền lợi cho người lao động theo quy định tại Điều lệ bảo hiểm xã hội.

4. Đối với các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động thì Giám đốc công ty giải quyết chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động và chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.

5. Trường hợp cho thuê nhưng người nhận thuê không chấp nhận sử dụng hết số lao động hiện có thì người quyết định cho thuê và công ty cho thuê có trách nhiệm bố trí việc làm hoặc giải quyết theo chính sách đối với số lao động còn lại.

Điều 42. Nguyên tắc xác định giá cho thuê công ty

1. Giá cho thuê công ty được xác định căn cứ vào: hình thức thuê, giá tối thiểu cho thuê do người quyết định cho thuê quy định, giá trị thực tế của công ty, thỏa thuận trực tiếp về giá thuê giữa người cho thuê và người thuê (trường hợp cho thuê trực tiếp) hoặc giá thắng thầu (trường hợp đấu thầu), nhưng không thấp hơn mức giá cho thuê tối thiểu của người quyết định cho thuê quy định.

2. Giá cho thuê tối thiểu được xác định trên nguyên tắc:

a) Bảo đảm bù đắp được chi phí hao mòn về tài sản cho thuê;

b) Bù đắp các chi phí hợp lý của bên cho thuê trong quá trình tổ chức, quản lý và giám sát tài sản cho thuê;

c) Tính lãi trong giá cho thuê công ty, phụ thuộc vào giá trị và tình trạng tài chính tài sản, công nghệ, chất lượng sản phẩm, khả năng tiêu thụ sản phẩm; tình trạng và hiệu quả kinh doanh của công ty trước khi cho thuê:

- Đối với các công ty đang kinh doanh có lãi: mức lãi trong giá thuê công ty không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã đạt được trước khi cho thuê.

- Đối với các công ty đang thua lỗ hoặc chưa có lãi: khi cho thuê không tính lợi nhuận vào trong mức giá cho thuê khởi điểm.

Điều 43. Quyết định cho thuê công ty

1. Căn cứ đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, cấp có thẩm quyền ra quyết định cho thuê công ty.

2. Quyết định thuê công ty gồm các nội dung chính sau:

a) Tên, địa chỉ, số tài khoản của công ty cho thuê và người thuê;

b) Nội dung, hình thức, thời hạn cho thuê;

c) Giá cho thuê và phương thức thanh toán;

d) Nhiệm vụ của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và người được ủy quyền ký hợp đồng trong tổ chức cho thuê công ty;

đ) Trách nhiệm của công ty cho thuê,

của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và các cơ quan liên quan trong xử lý những vấn đề tồn tại và phát sinh khác.

3. Quyết định cho thuê công ty được gửi đến các cơ quan: Tài chính doanh nghiệp; Thuế, Đăng ký kinh doanh, Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Thống kê nơi công ty đóng trụ sở chính; Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp.

Điều 44. Hợp đồng thuê công ty

Hợp đồng thuê công ty do người thuê và người được cấp quyết định cho thuê ủy quyền ký, gồm các nội dung chính sau:

1. Tên, địa chỉ, số tài khoản của công ty cho thuê và của bên thuê.

2. Giá thuê công ty và phương thức thanh toán tiền thuê.

3. Thời hạn thuê công ty do các bên ký kết hợp đồng thỏa thuận nhưng không ít hơn 3 năm; chấm dứt hợp đồng thuê trước thời hạn.

4. Quyền hạn, trách nhiệm của người cho thuê, người thuê công ty.

5. Giải quyết lao động, tài sản, tài chính, các quyền và nghĩa vụ của công ty được kế thừa trong trường hợp thuê công ty hoạt động.

6. Hoàn trả hoặc xử lý đối với công ty khi kết thúc hợp đồng.

7. Cam kết của các bên ký kết hợp đồng.

8. Nguyên tắc xử lý các vấn đề phát sinh, tranh chấp hợp đồng; xử lý các vi phạm hợp đồng, các thay đổi làm ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của các bên nhận thuê và bên cho thuê; thưởng, phạt trong quá trình thực hiện thuê.

Kèm theo hợp đồng thuê là bảng kê tài sản thuộc sở hữu của công ty, đánh giá giá trị còn lại của tài sản đó và danh sách lao động (nếu thuê công ty hoạt động).

Điều 45. Thanh toán tiền đặt cọc và bàn giao công ty

1. Đối với trường hợp cho thuê công ty theo phương thức đấu thầu thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký quyết định cho thuê công ty, Hội đồng đấu thầu phải thanh toán tiền đặt cọc cho những người tham gia đấu thầu mà không trúng thầu. Người tham gia đấu thầu không được nhận lại tiền đặt cọc trong các trường hợp sau: trúng thầu nhưng từ chối thực hiện hợp đồng; rút hồ sơ dự thầu sau khi đóng thầu. Đối với tiền đặt cọc của người trúng thầu sẽ được trừ vào tiền thuê công ty.

2. Trong thời hạn thỏa thuận tại Hợp đồng, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp cùng người ký hợp đồng thuê công ty và Giám đốc công ty phải tổ chức việc bàn giao công ty cho người thuê.

Khi bàn giao, nếu số lượng và giá trị tài sản của công ty không đúng với số lượng và giá trị tài sản đã ghi trong hợp đồng thì người thuê có quyền hoãn nhận bàn giao và yêu cầu điều chỉnh hợp đồng đã ký.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của người thuê công ty

Ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người thuê tài sản quy định tại Mục 5, Chương II, Phần thứ ba của Bộ luật Dân sự, người thuê công ty còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyền của người thuê công ty:

a) Chủ động quản lý, sử dụng các tài sản và lao động thuê của công ty để phục vụ các hoạt động kinh doanh không trái với các thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật;

b) Được thay đổi, tổ chức lại sản xuất, đầu tư mới, đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, duy tu, bảo dưỡng, thay thế, sửa chữa các tài sản bị hỏng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Nếu thay thế hoặc cho thuê lại tài sản phải được sự đồng ý của người quyết định cho thuê;

c) Tự quyết định tổ chức bộ máy quản lý, kinh doanh, phương thức trả lương, thưởng trong công ty;

d) Được hưởng các quyền lợi do việc thuê công ty đem lại sau khi đã làm xong nghĩa vụ đối với Nhà nước và bên cho thuê;

đ) Kế thừa toàn bộ các hợp đồng thuê đất, mặt bằng, cung cấp điện, nước của công ty nhà nước cho thuê (nếu có nhu cầu).

2. Nghĩa vụ của người thuê công ty:

a) Trả tiền thuê công ty theo đúng các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng;

b) Sử dụng tài sản đúng với mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng thuê; không được dùng tài sản đi thuê (trừ phần đầu tư mới thuộc phần vốn của mình) để cầm cố hoặc thế chấp; không được cho thuê lại quyền sử dụng đất;

c) Bảo đảm tài sản hoạt động bình thường và phù hợp với mức độ khấu hao tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng;

d) Cùng người cho thuê giải quyết các vấn đề phát sinh về quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng thuê đất, cung cấp điện, nước, nguyên vật liệu, bán sản phẩm, hợp đồng lao động; cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và vệ sinh môi trường;

đ) Chịu sự kiểm tra, giám sát của người cho thuê về sử dụng tài sản thuê;

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại hợp đồng thuê công ty.

3. Ngoài các quyền và nghĩa vụ chung quy định tại các khoản 1, 2 của Điều này, người thuê còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Trường hợp người thuê công ty là công ty nhà nước thì ngoài quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng như quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này và các quy định khác của pháp luật, sau khi nộp các loại thuế, công ty nhà nước nhận thuê có toàn quyền sử dụng lợi nhuận thu được từ hoạt động của công ty mà mình đang thuê;

b) Trường hợp người thuê công ty đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Hợp tác xã thì có quyền sử dụng tài sản đi thuê và lao động để phục vụ cho mục tiêu kinh doanh theo cơ chế quy định đối với loại hình doanh nghiệp đã đăng ký, đồng thời bảo đảm các quy định của hợp đồng thuê và các quy định tại khoản 1, 2 của Điều này;

c) Trường hợp người thuê công ty là tập thể người lao động hoặc cá nhân người lao động trong công ty thì phải có nguồn vốn riêng, đăng ký thành lập doanh nghiệp của tập thể người lao động hoặc của cá nhân và có quyền sử dụng công ty nhà nước đã thuê theo cơ chế quy định đối với loại hình doanh nghiệp đã đăng ký.

4. Người thuê công ty vi phạm các cam kết trong hợp đồng gây tổn thất đến công ty cho thuê, ngoài các trách nhiệm theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê, người quyết định cho thuê có quyền chấm dứt hợp đồng và buộc người nhận thuê phải bồi thường tổn thất do mình gây ra.

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của người quyết định cho thuê công ty và người ký hợp đồng cho thuê công ty

1. Người quyết định cho thuê công ty có quyền tổ chức chỉ đạo thực hiện hợp đồng thuê công ty; giải quyết các đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, của người ký kết hợp đồng; quyết định giá cho thuê công ty; quyết định thu hồi công ty cho thuê theo kiến nghị của người ký hợp đồng thuê công ty.

2. Người ký hợp đồng cho thuê công ty có quyền và nghĩa vụ:

a) Tổ chức triển khai việc thực hiện các nội dung và cam kết trong hợp đồng thuê công ty;

b) Tổ chức theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện hợp đồng; không can thiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; tạo điều kiện thuận lợi cho bên thuê thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng thuê công ty;

c) Xử lý theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh; kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật đối với người thuê không thực hiện các cam kết trong hợp đồng.

Điều 48. Kết thúc hợp đồng thuê công ty

1. Hết thời hạn thuê công ty ghi trong hợp đồng, các bên cho thuê và nhận thuê công ty phải tiến hành kiểm kê, xác định số lượng và thực trạng, giá trị tài sản còn lại, tài sản đầu tư mới và đầu tư bổ sung, các khoản thanh toán giữa bên cho thuê và nhận thuê đối chiếu với hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và thỏa thuận việc xử lý giá trị các tài sản đầu tư mới và tiến hành thanh lý hợp đồng.

2. Trường hợp đang thuê hoặc kết thúc hợp đồng thuê, người thuê có nhu cầu mua lại công ty thì hai bên thanh lý hợp đồng thuê và chuyển sang hình thức bán công ty nhà nước; nếu sau thời hạn thông báo chủ trương bán công ty mà không có tổ chức, cá nhân nào khác đăng ký mua thì người đang thuê tiến hành các thủ tục mua theo phương thức trực

tiếp; nếu có từ hai người (kể cả người đang thuê) đăng ký mua trở lên thì phải tổ chức bán đấu giá hoặc đấu thầu theo quy định của Nghị định này, nếu điểm chấm thầu bằng nhau thì ưu tiên bán cho người đang thuê.

3. Sau khi hết hạn hợp đồng thuê nếu công ty cho thuê tiếp tục hoạt động thì có nghĩa vụ tiếp nhận trở lại số lao động cũ. Trường hợp chấm dứt hoạt động do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc phá sản công ty thì chế độ, chính sách giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương V

NHỮNG ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐƯỢC GIAO, MUA, THUÊ CÔNG TY VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 49. Ưu đãi đối với công ty giao, bán, cho thuê

1. Công ty giao cho tập thể người lao động; công ty bán cho tập thể, cá nhân hoặc pháp nhân:

a) Được hưởng ưu đãi như doanh nghiệp mới thành lập và các quy định của pháp luật về khuyến khích đầu tư không cần phải làm thủ tục cấp chứng nhận ưu đãi đầu tư;

b) Được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh, lệ phí trước bạ đối với tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của công ty nhà nước chuyển thành sở hữu doanh nghiệp mới;

c) Được tiếp tục duy trì các hợp đồng thuê nhà, xưởng, đất đai của công ty cũ theo các quy định của Luật Đất đai và các quy định của pháp luật hiện hành;

d) Được tiếp tục vay vốn của ngân hàng thương mại, công ty tài chính và các tổ chức tín dụng khác của Nhà nước theo cơ chế lãi suất áp dụng đối với công ty nhà nước;

đ) Được tiếp tục xuất nhập khẩu hàng hóa theo các chế độ quy định hiện hành như đối với công ty nhà nước;

e) Trước khi chuyển sang giao, bán hoặc cho thuê, công ty được chủ động sử dụng số dư quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi (bằng tiền) để chia cho người lao động đang làm việc tại công ty (không phải nộp thuế thu nhập);

g) Được duy trì và phát triển quỹ phúc lợi dưới dạng hiện vật, các công trình văn hóa, câu lạc bộ, bệnh xá, nhà điều dưỡng để đảm bảo phúc lợi cho người lao động tiếp tục làm việc tại công ty giao hoặc bán. Những tài sản này thuộc sở hữu của tập thể người lao động do tổ chức Công đoàn công ty và người sử dụng lao động quản lý.

2. Doanh nghiệp cho thuê được hưởng những ưu đãi quy định tại các điểm c, d, đ, e, g khoản 1 Điều này.

Điều 50. Ưu đãi đối với người mua là tập thể người lao động trong công ty

Tập thể người lao động đáp ứng quy định tại khoản 14 Điều 3 của Nghị định này khi mua công ty thì Chủ tịch Công đoàn hoặc người đại diện tập thể người

lao động do Đại hội toàn thể công nhân viên chức công ty bầu thay mặt tập thể người lao động thực hiện các thủ tục mua công ty và được hưởng các ưu đãi sau:

1. Tập thể người lao động mua công ty có vốn nhà nước trên sổ kế toán dưới 5 tỷ đồng, thua lỗ ở mức mất khả năng thanh toán các khoản nợ và dự kiến số tiền thu được từ bán doanh nghiệp không đủ trang trải các khoản nợ:

a) Nếu tập thể người lao động bảo đảm từ 50% đến 100% số lao động hiện có của công ty chuyển sang làm việc tại doanh nghiệp mới, bảo đảm việc làm cho số lao động này từ 1 năm liên tục trở lên thì được giảm 70% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; mức giảm tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty;

b) Nếu tập thể người lao động chỉ bảo đảm dưới 50% số lao động hiện có của công ty chuyển sang làm việc tại doanh nghiệp mới và bảo đảm việc làm cho số lao động này từ 1 năm liên tục trở lên thì được giảm 50% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; mức giảm tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty.

2. Tập thể người lao động mua công ty có vốn nhà nước trên sổ kế toán dưới 5 tỷ đồng, kinh doanh có lãi hoặc không lỗ và dự kiến số tiền thu hồi từ bán doanh nghiệp có thể đủ để thanh toán các khoản nợ:

a) Nếu tập thể người lao động bảo đảm

từ 50% đến 100% số lao động hiện có của công ty chuyển sang làm việc tại doanh nghiệp mới và bảo đảm việc làm cho số lao động này từ 1 năm liên tục trở lên thì được giảm 50% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; mức giảm tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty;

b) Nếu tập thể người lao động chỉ đảm bảo dưới 50% số lao động hiện có của công ty chuyển sang làm việc tại doanh nghiệp mới và cam kết việc làm cho số lao động này từ 1 năm liên tục trở lên thì được giảm 40% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; mức giảm tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty.

3. Đối với tập thể người lao động mua công ty có vốn nhà nước trên sổ kế toán từ 5 tỷ đồng trở lên, mua theo phương thức có kế thừa nợ, tiếp tục duy trì sản xuất - kinh doanh, bảo đảm việc làm cho mình và cam kết tiếp nhận số lao động hiện có tại công ty (trừ số tự nguyện chấm dứt hợp đồng):

a) Nếu bảo đảm từ 70% đến 100% số lao động hiện có của công ty chuyển sang làm việc tại doanh nghiệp mới, bảo đảm việc làm cho số lao động này từ 1 năm liên tục trở lên thì được giảm 50% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; mức giảm tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty;

b) Nếu bảo đảm từ 50% đến dưới 70% số lao động hiện có của công ty chuyển sang làm việc tại doanh nghiệp mới, bảo đảm việc làm cho số lao động này từ 1

năm liên tục trở lên thì được giảm 45% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; mức giảm tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty.

4. Đối với tập thể người lao động mua công ty có vốn nhà nước trên sổ kế toán từ 5 tỷ đồng trở lên, mua theo phương thức không kế thừa nợ, tiếp tục duy trì sản xuất - kinh doanh, bảo đảm việc làm cho mình và cam kết tiếp nhận số lao động hiện có tại công ty (trừ số tự nguyện chấm dứt hợp đồng):

a) Nếu bảo đảm từ 70% đến 100% số lao động hiện có của công ty chuyển sang làm việc tại doanh nghiệp mới và bảo đảm việc làm cho số lao động này từ 1 năm liên tục trở lên thì được giảm 40% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; mức giảm tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty;

b) Nếu đảm bảo từ 50% đến dưới 70% số lao động hiện có của công ty chuyển sang làm việc tại doanh nghiệp mới và bảo đảm việc làm cho số lao động này từ 1 năm liên tục trở lên thì được giảm 35% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; mức giảm tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty.

Mức giảm giá quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này phải phù hợp với các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

5. Người mua là cá nhân hoặc một nhóm người lao động trong công ty không được công nhận là đại diện cho tập thể người lao động trong công ty thì

không được hưởng những ưu đãi như đối với tập thể người lao động mua công ty.

6. Mỗi người trong tập thể người lao động mua công ty được quyền sở hữu một phần giá trị công ty tương ứng với phần vốn góp, có quyền và nghĩa vụ của người góp vốn nhưng không được chuyển nhượng cổ phần cho người ngoài công ty trong thời hạn 1 năm sau khi mua công ty.

Điều 51. Ưu đãi đối với người mua không phải là tập thể người lao động

1. Trường hợp mua công ty có vốn nhà nước trên sổ kế toán dưới 5 tỷ đồng:

a) Nếu người mua sử dụng hết số lao động hiện có của công ty (trừ số tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động) và bảo đảm việc làm cho họ từ 1 năm liên tục trở lên thì được giảm 50% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; mức giảm tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty;

b) Nếu người mua chỉ sử dụng từ 50% đến dưới 100% số lao động hiện có của công ty chuyển sang làm việc tại doanh nghiệp mới và bảo đảm việc làm cho họ từ 1 năm liên tục trở lên thì được giảm 30% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; mức giảm tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty;

c) Nếu người mua chỉ sử dụng từ 20% đến dưới 50% số lao động hiện có của công ty chuyển sang làm việc tại doanh nghiệp mới và bảo đảm việc làm cho họ từ 1 năm liên tục trở lên thì được giảm

20% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; mức giảm tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty.

2. Trường hợp mua công ty có vốn nhà nước trên sổ kế toán từ 5 tỷ đồng trở lên, mua theo phương thức có kế thừa nợ, cam kết tiếp nhận số lao động thường xuyên trong danh sách tại thời điểm bán công ty (trừ số tự nguyện chấm dứt hợp đồng):

a) Nếu bảo đảm từ 70% đến 100% số lao động hiện có của công ty (trừ số tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động) và bảo đảm việc làm cho họ từ 1 năm liên tục trở lên thì được giảm 40% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; mức giảm tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty;

b) Nếu chỉ bảo đảm từ 50% đến dưới 70% số lao động hiện có của công ty (trừ số tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động) và bảo đảm việc làm cho họ từ 1 năm liên tục trở lên thì được giảm 30% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; mức giảm tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty.

3. Trường hợp mua công ty có vốn nhà nước trên sổ kế toán từ 5 tỷ đồng trở lên, mua theo phương thức không kế thừa nợ, cam kết tiếp nhận số lao động thường xuyên trong danh sách tại thời điểm bán công ty (trừ số tự nguyện chấm dứt hợp đồng):

a) Nếu bảo đảm từ 70% đến 100% số lao động hiện có của công ty (trừ số tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động) và

bảo đảm việc làm cho họ từ 1 năm liên tục trở lên thì được giảm 35% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; mức giảm tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty;

b) Nếu bảo đảm từ 50% đến dưới 70% số lao động hiện có của công ty (trừ số tự nguyện chấm dứt hợp đồng) và bảo đảm việc làm cho họ từ 1 năm liên tục trở lên thì được giảm 25% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất; mức giảm tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty.

Mức giảm giá quy định tại Điều này phải phù hợp với các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

Điều 52. Ưu đãi đối với người mua trả tiền ngay

Nếu người mua công ty trả tiền ngay 1 lần sau khi mua thì được giảm tối đa là 10% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất. Mức giảm giá bán công ty bao gồm cả khoản ưu đãi trả tiền ngay tối đa bằng số vốn nhà nước hiện có tại công ty.

Điều 53. Chính sách đối với người lao động ra khỏi công ty

Người lao động không được người mua tiếp tục sử dụng hoặc tự động chấm dứt hợp đồng:

1. Trước khi bán được công ty sử dụng số dư quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi (bằng tiền) chia cho người lao động.

2. Được hưởng các chế độ khác theo pháp luật về lao động.

Chương VI

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAO, BÁN,
KHOẢN KINH DOANH, CHO
THUÊ CÔNG TY NHÀ NƯỚC**

Điều 54. Thẩm quyền quyết định giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty

Căn cứ vào phương án tổng thể sắp xếp công ty nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

1. Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Quyết định giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê đối với công ty do mình quyết định thành lập, kể cả các công ty thành viên hạch toán độc lập, đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty do mình quyết định thành lập;

b) Quyết định bán đối với những bộ phận của công ty mà: giá trị tài sản còn lại của bộ phận công ty đó vượt quá 30% tổng giá trị tài sản còn lại của công ty đó (nếu công ty không có Hội đồng quản trị) hoặc vượt quá 50% tổng giá trị tài sản còn lại trên báo cáo tài chính của công ty được công bố tại quý gần nhất (nếu công ty có Hội đồng quản trị); bộ phận của công ty đó đã giải quyết hết số lao động hoặc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án giải quyết hết số lao động theo quy định của pháp luật về lao động và chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước;

c) Quyết định bán đối với những bộ phận của công ty vẫn còn lao động làm việc.

2. Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước quyết định hoặc phân cấp, ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định bán đối với những bộ phận của công ty mà: giá trị tài sản còn lại của bộ phận công ty đó không vượt quá mức 50% tổng giá trị tài sản còn lại trên báo cáo tài chính của công ty được công bố tại quý gần nhất đã giải quyết hết số lao động hoặc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án giải quyết hết số lao động theo quy định của pháp luật về lao động và chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước.

3. Giám đốc công ty không có Hội đồng quản trị quyết định bán đối với những bộ phận của công ty mà: giá trị tài sản còn lại của bộ phận công ty đó không vượt quá mức 30% tổng giá trị tài sản còn lại trên báo cáo tài chính của công ty được công bố tại quý gần nhất đã giải quyết hết số lao động hoặc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án giải quyết hết số lao động theo quy định của pháp luật về lao động và chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước.

Điều 55. Trách nhiệm tổ chức việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước

1. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp là cơ quan giúp Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước tổ chức

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
07878
LawSoft *

thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước.

Tùy theo tính chất ngành nghề, hình thức là giao, bán, khoán kinh doanh hoặc thuê công ty và tình trạng tài chính của công ty, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp mời thêm các thành viên đại diện của ngân hàng, công ty, người lao động trong công ty và các cơ quan có liên quan tham gia.

2. Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng công ty nhà nước thành lập Ban Đổi mới doanh nghiệp tại công ty để thực hiện các công tác chuẩn bị, dự thảo phương án, tổ chức kiểm kê tài sản, tiền vốn và công nợ; Ban Đổi mới doanh nghiệp tại công ty lập danh sách lao động của công ty và các thủ tục cần thiết khác theo hướng dẫn của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp cấp trên.

3. Trường hợp công ty không thực hiện phương án giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Nghị định này thì Giám đốc công ty phải chịu các hình thức kỷ luật và Thủ trưởng cơ quan quản lý công ty liên đới chịu trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước.

Điều 56. Nhiệm vụ của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp trong tổ chức giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty

1. Trường hợp giao công ty:

a) Xây dựng phương án giao công ty; thông báo với toàn thể người lao động

trong công ty và trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giao công ty;

b) Thẩm định giá trị công ty, xác định hiện trạng tài sản, phẩm chất và tính năng kỹ thuật của tài sản, kiểm tra việc đối chiếu công nợ, danh sách các chủ nợ và người mắc nợ công ty, số nợ của các chủ nợ và các khoản nợ phải trả; xây dựng phương án xử lý các tồn tại về tài chính và lao động của công ty;

c) Lập hợp đồng giao công ty và báo cáo Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước;

d) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ban Đổi mới tại công ty tiến hành thu hồi tài sản của công ty, hoàn trả các tài sản mà công ty đi thuê, mượn, nhận giữ hộ; thu hồi nợ và thanh toán các khoản nợ của công ty; bàn giao tài sản, sổ sách và các hồ sơ có liên quan cho người nhận giao công ty theo thỏa thuận của hợp đồng giao công ty;

đ) Xử lý trong phạm vi thẩm quyền những vấn đề phát sinh từ việc giao công ty.

2. Trường hợp bán công ty:

a) Xây dựng phương án bán công ty; thông báo với toàn thể người lao động trong công ty và trên phương tiện thông tin đại chúng việc bán công ty;

b) Thẩm định giá trị công ty, xác định giá dự kiến bán công ty trên cơ sở giá trị sổ sách, hiện trạng tài sản, phẩm chất và tính năng kỹ thuật của tài sản và theo mặt bằng giá thị trường; đối chiếu công

nợ, lập danh sách chủ nợ và người mắc nợ công ty, số nợ trả cho các chủ nợ; xây dựng phương án xử lý các tồn tại về tài chính và lao động của công ty;

c) Tổ chức bán trực tiếp, bán đấu thầu hoặc bán đấu giá công ty nhà nước; phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, kiến nghị giá bán (trường hợp bán trực tiếp) và chọn người thắng thầu (trường hợp đấu thầu), người trả giá cao nhất (trường hợp đấu giá) để người bán công ty quyết định;

d) Lập hợp đồng bán công ty và báo cáo Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước quyết định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ban Đổi mới tại công ty thu hồi tài sản của công ty, hoàn trả các tài sản mà công ty đi thuê, mượn, nhận giữ hộ; thu hồi nợ và thanh toán các khoản nợ của công ty; bàn giao tài sản, sổ sách và các hồ sơ có liên quan cho người mua theo thỏa thuận của hợp đồng bán công ty;

e) Xử lý trong phạm vi thẩm quyền những vấn đề phát sinh từ việc bán công ty.

3. Trường hợp cho thuê công ty:

a) Xây dựng phương án cho thuê công ty; xác định chỉ tiêu và điều kiện cho thuê công ty; thông báo tại công ty và trên phương tiện thông tin đại chúng về việc cho thuê công ty;

b) Hướng dẫn Ban Đổi mới tại công ty kiểm kê toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của công ty, xác định thực trạng tài chính và

tài sản của công ty quy thành giá trị trước khi cho thuê;

c) Xác định giá cho thuê tối thiểu và kiến nghị giá cho thuê công ty;

d) Phân tích, đánh giá về phương án thuê; trao đổi và thỏa thuận trực tiếp với người thuê về hợp đồng thuê hoặc tổ chức đấu thầu cho thuê công ty. Đề xuất người nhận thuê trực tiếp (trường hợp hợp trực tiếp) và người thắng thầu (trường hợp đấu thầu) để người quyết định cho thuê công ty quyết định;

đ) Lập hợp đồng cho thuê công ty và báo cáo Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước quyết định;

e) Xử lý trong phạm vi thẩm quyền các vấn đề phát sinh từ việc cho thuê công ty.

4. Trường hợp khoán kinh doanh đối với công ty:

a) Xác định các chỉ tiêu và điều kiện khoán kinh doanh; tổ chức xây dựng phương án khoán kinh doanh đối với công ty;

b) Thỏa thuận trực tiếp với người nhận khoán kinh doanh hoặc tổ chức đấu thầu lựa chọn người nhận khoán kinh doanh;

c) Lập hợp đồng khoán kinh doanh, báo cáo Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước quyết định.

Điều 57. Trách nhiệm của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp

Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp

chịu trách nhiệm về nội dung và kết quả công việc được giao trước người quyết định giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty và trước pháp luật.

Điều 58. Thẩm quyền phê duyệt phương án giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp

1. Căn cứ đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước quyết định:

a) Chỉ tiêu và điều kiện khoán kinh doanh, giá cho thuê và phê duyệt phương án giao, khoán kinh doanh, cho thuê đối với công ty quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

b) Giá bán công ty, bộ phận của công ty và phê duyệt phương án bán công ty, bộ phận của công ty quy định tại điểm b và d khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

2. Trường hợp bán công ty có vốn nhà nước trên sổ kế toán từ 30 tỷ đồng trở lên thì Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 59. Thẩm quyền ký kết hợp đồng giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp

1. Hợp đồng giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty thuộc Bộ quản lý do Bộ trưởng hoặc người được Bộ trưởng ủy quyền ký.

2. Hợp đồng giao, bán, khoán kinh

doanh, cho thuê công ty thuộc địa phương quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền ký.

3. Tổng giám đốc Tổng công ty nhà nước ký hợp đồng giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty thành viên của Tổng công ty nhà nước.

Điều 60. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và theo dõi thực hiện hợp đồng giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty

Người ký hợp đồng giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện hợp đồng giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty

2. Tổ chức theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện hợp đồng và xử lý các vấn đề phát sinh.

3. Mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty do hai bên ký hợp đồng cùng giải quyết, nếu còn tranh chấp thì khởi kiện ra Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 61. Công bố và đăng ký nhận mua, khoán kinh doanh, thuê công ty

Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thuộc Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng công ty nhà nước thông báo cho công ty biết và công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng về chủ trương chuyển công ty sang áp dụng một trong các hình thức

giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty và đăng ký danh sách người nhận giao, mua, khoán kinh doanh, thuê công ty trong thời gian 45 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức chuyển đổi công ty.

Quá thời hạn trên mà không có người đăng ký bất kỳ hình thức nào thì Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp gia hạn đăng ký thêm 15 ngày, nếu vẫn không có người đăng ký thì đề nghị cấp có thẩm quyền tiến hành thủ tục giải thể công ty thuộc diện giao, bán; trường hợp công ty đã lâm vào tình trạng phá sản thì Giám đốc công ty phải làm đơn đề nghị Tòa Kinh tế cấp tỉnh mở thủ tục giải quyết phá sản đối với công ty.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 62. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng trên Công báo.

2. Bãi bỏ Nghị định số 103/1999/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước, Nghị định số 49/2002/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/1999/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 1999 của Chính

phủ về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước.

3. Các doanh nghiệp đã thực hiện giao công ty trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa thanh toán lại cho Nhà nước 30% giá trị cổ phần theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 103/1999/NĐ-CP không phải thanh toán lại cho Nhà nước 30% giá trị cổ phần này.

Điều 63. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện

1. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm theo dõi thực hiện Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải